

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu nhà ở xã hội phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn**

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;*

*Căn cứ Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở xã hội phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn; Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 08/1/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở xã hội phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;*

*Căn cứ Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể và giá đất ở thị trường để tiền sử dụng đất tái định cư do giải phóng mặt bằng, dự án Khu nhà ở xã hội phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;*

*Căn cứ Quyết định số 3926/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu nhà ở xã hội phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 111/TTr-STNMT ngày 24/02/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu nhà ở xã hội phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn như sau:

1. Về giá trị bồi thường, hỗ trợ

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ; chi phí GPMB (2%) và kinh phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là 3.349.282.044 đồng; trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 3.277.183.996 đồng;

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) : 65.543.680 đồng;

(Chi phí thẩm định 0,2% là 6.554.000 đồng; trong đó chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường (70%) là 4.588.000 đồng).

- Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế: 6.554.368 đồng.

(Chi phí cưỡng chế nếu không sử dụng sẽ hoàn trả ngân sách)

Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

*(Kèm theo phụ lục)*

2. Về tái định cư

a) Giao 05 lô đất ở tái định cư tại Khu TĐC-01 thuộc dự án nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình cho 05 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án nêu trên với tổng diện tích giao là 360m<sup>2</sup>. Tiền sử dụng đất tái định cư các hộ phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 944.000.000 đồng.

b) Điều chỉnh tiền sử dụng đất tái định cư đối với 02 lô đất tái định cư đã phê duyệt cho hộ ông Phạm Cấp, vợ Lê Thị Thị Thúy Nga tại Quyết định số 3926/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh là 568.468.000 đồng.

*(Kèm theo phụ lục)*

**Điều 2.** Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K4, K14, K17.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**Phụ lục I**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU NHÀ Ở XÃ HỘI PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh)*

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
						Tổng	DT thu hồi	Đất ở	Bồi thường, hỗ trợ đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường hỗ trợ cây cối, hoa màu	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Hữu Chiến	tổ 22, KV3	355	1	ODT +BHK	175,3	175,3	30,5	245.326.000	203.952.944	2.535.000	64.291.200	28.000.000	5.000.000	549.105.144
2	Nguyễn Hân (chết), vợ Ngô Thị Quyên	tổ 22, KV3	356	1	ODT +BHK	88,4	88,4	30,5	143.798.000	188.228.289	2.390.000	25.707.600	28.000.000	5.000.000	393.123.889
3	Huỳnh Thị Mộng Loan	tổ 22, KV3	338	1	ODT +BHK	89,0	89,0	63,0	187.870.000	332.317.333	120.000	0	27.000.000	5.000.000	552.307.333
4	Nguyễn Thanh Toàn	tổ 22, KV3	339	1	ODT +BHK	322,2	322,2	30,5	416.804.000	449.976.230	0	129.514.800	27.000.000	5.000.000	1.028.295.030
5	Hoàng Xuân Chánh	Tổ 22, Kv3	340	1	ODT +BHK	550,3	308,9	45,5	421.208.000	182.739.600	15.857.000	0	27.000.000	5.000.000	651.804.600
<b>Bổ sung giá trị bồi thường vật kiến trúc</b>															
1	Phạm Cấp, vợ Lê Thị Thúy Nga	Kv3								102.548.000					102.548.000
<b>A</b>	<b>Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ</b>					<b>1.225,2</b>	<b>983,8</b>	<b>200,0</b>	<b>1.415.006.000</b>	<b>1.459.762.396</b>	<b>20.902.000</b>	<b>219.513.600</b>	<b>137.000.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>3.277.183.996</b>
<b>B</b>	<b>Chi phí phục vụ công tác GPMB (Ax2%)</b>														<b>65.543.680</b>
<b>C</b>	<b>Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất (Bx10%)</b>														<b>6.554.368</b>
<b>D</b>	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>														<b>3.349.282.044</b>

**Phụ lục II**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU NHÀ Ở XÃ HỘI PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh)*

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Khu TĐC-01thuộc dự án nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình					
			Ký hiệu lô TĐC	diện tích	DT thu tiền SD đất theo đơn giá đất TĐC cụ thể 2.400.000 đ/m2	DT thu tiền SD đất TĐC theo giá trị trường 2.900.000 đ/m2	Giá trị thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hữu Chiến	tổ 22, KV3	22	72,0	30,5	41,5	193.550.000	
2	Nguyễn Hân (chết), vợ Ngô Thị Quyền	tổ 22, KV3	23	72,0	30,5	41,5	193.550.000	
3	Huỳnh Thị Mộng Loan	tổ 22, KV3	19	72,0	63,0	9,0	177.300.000	
4	Nguyễn Thanh Toàn	tổ 22, KV3	21	72,0	30,5	41,5	193.550.000	
5	Hoàng Xuân Chánh	Tổ 22, Kv3	20	72,0	45,5	26,5	186.050.000	
	<b>Tổng</b>			<b>360,0</b>	<b>200,0</b>	<b>160,0</b>	<b>944.000.000</b>	





Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Khu TĐC-01thuộc dự án nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình					
			Ký hiệu lô TĐC	diện tích	DT thu tiền SD đất theo đơn giá đất TĐC cụ thể 2.400.000 đ/m2	DT thu tiền SD đất TĐC theo giá trị trường 2.900.000 đ/m2	Giá trị thu tiền sử dụng đất	Ghi chú

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Khu TĐC-01thuộc dự án nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình					
			Ký hiệu lô TĐC	diện tích	DT thu tiền SD đất theo đơn giá đất TĐC cụ thể 2.400.000 đ/m2	DT thu tiền SD đất TĐC theo giá trị trường 2.900.000 đ/m2	Giá trị thu tiền sử dụng đất	Ghi chú









